

Thực trạng và giải pháp phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam

Lại Lâm Anh*

Nhận ngày 09 tháng 01 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 3 năm 2024.

Tóm tắt: Thúc đẩy phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam là một hướng đi quan trọng trong Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Việc phát triển bền vững ngành thủy sản sẽ góp phần giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội và môi trường. Ngành thủy sản đã và đang có nhiều đóng góp trong phát triển kinh tế của Việt Nam nhưng cũng có không ít những vấn đề đặt ra từ hoạt động khai thác thủy sản, tiêu thụ sản phẩm thủy sản, quản lý nguồn lợi thủy sản, bảo vệ chủ quyền biển đảo,... Bài viết này¹ nghiên cứu trọng tâm vào thực trạng phát triển, chính sách phát triển ngành thủy sản Việt Nam. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam, góp phần phát triển kinh tế biển xanh ở Việt Nam.

Từ khóa: Phát triển, kinh tế, biển xanh, bền vững, thủy sản, Việt Nam.

Phân loại ngành: Kinh tế

Abstract: Promoting sustainable development of Vietnam's fisheries industry is an important direction in the Strategy for Sustainable Development of Vietnam's Marine Economy to 2030, with a Vision to 2045. Sustainable development of the fisheries industry will contribute to solve economic, social and environmental issues. The fisheries industry has been making many contributions to Vietnam's economic development, but there are also many problems arising from the exploitation, consumption and management of aquatic resources as well as protecting sovereignty over seas and islands, etc. This article studies the status and the policies for development of Vietnam's fisheries industry. From there, the article proposes some solutions to promote sustainable development of the fisheries industry, contributing to the development of the blue ocean economy in Vietnam.

Keywords: Development, economy, blue ocean, sustainability, fisheries, Vietnam.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Việt Nam là một quốc gia nằm trên bán đảo Đông Dương có đường bờ biển dài 3.260 km, biển có diện tích lên tới 329.560 km², vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) có diện tích 1 triệu km². Biển Việt Nam có hơn 2.000 loài cá, trong đó có gần 130 loài cá giá trị kinh tế cao và hàng trăm loài được đưa vào sách đỏ Việt Nam và thế giới, 1.600 loài giáp xác, 2.500 loài thân mềm, cho khai thác 45.000-50.000 tấn rong biển (Đảng cộng sản Việt Nam, 2007). Với nguồn lợi thủy sản phong phú và đa dạng, việc phát triển ngành thủy sản Việt Nam đã và đang đem lại nguồn lợi giúp người dân phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh, xã hội, quốc phòng bảo vệ biển đảo.

* Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: lla2477@gmail.com

¹ Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ: “Phát triển kinh tế biển xanh phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển ở Việt Nam”.

Ngành thủy sản Việt Nam đang đem lại nhiều lợi ích nhưng cũng chịu sức ép không nhỏ về tình trạng ô nhiễm môi trường biển do nước thải từ các khu công nghiệp ven biển, tình trạng khai thác quá mức nguồn lợi thủy sản mà ít chú ý tới bảo tồn và phát triển, Việt Nam có cả một “rừng luật” liên quan tới thủy sản nhưng xuất khẩu thủy sản vẫn bị hạn chế bởi luật của các quốc gia khác,... Do đó, việc nghiên cứu để đưa ra các giải pháp phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam là hết sức cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

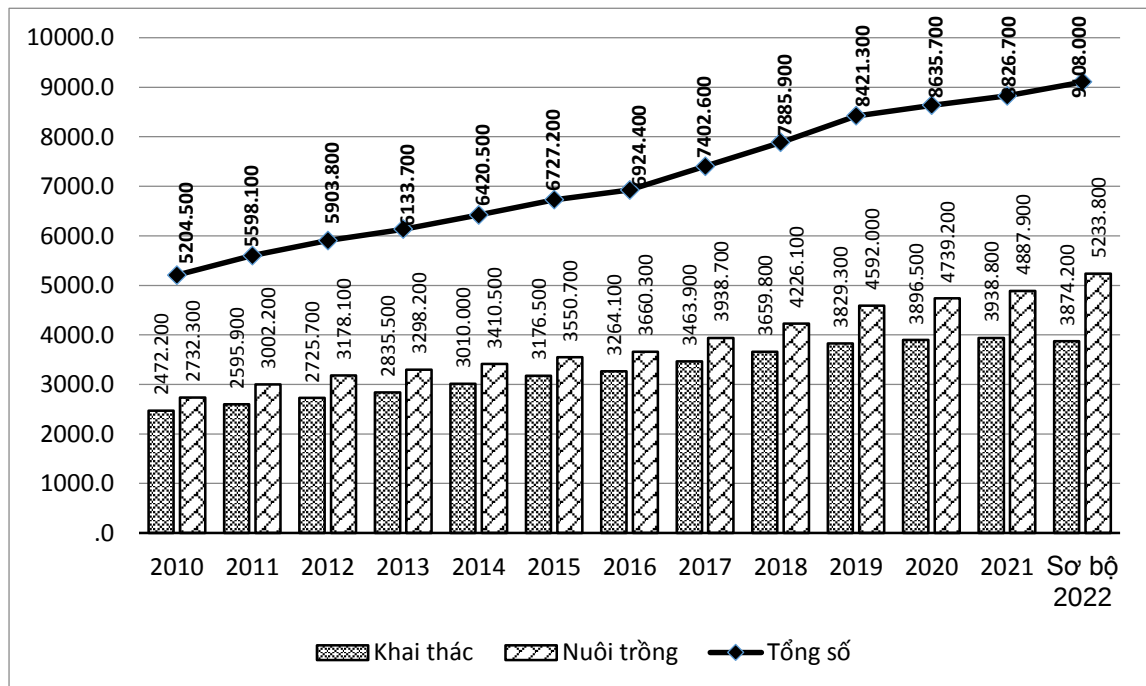
Bài viết sử dụng các phương pháp phổ biến trong khoa học xã hội như: phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh; các phương pháp phân tích thống kê mô tả, phân tích số liệu thứ cấp, khảo cứu tài liệu thu thập cũng được sử dụng. Bài viết này cũng sử dụng *phương pháp phân tích liên ngành - lịch sử*: nhìn nhận vấn đề từ các góc độ khác nhau; theo các giai đoạn lịch sử.

2. Thực trạng phát triển thủy hải sản Việt Nam

Biển Việt Nam đã đem lại nguồn lợi to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường biển đảo. Năm 2022, tổng sản lượng thủy sản khai thác được của Việt Nam lên tới 9,1 triệu tấn, trong đó đánh bắt là 3,87 triệu tấn, nuôi trồng thủy sản là 5,23 triệu tấn. Sản lượng khai thác thủy sản của Việt Nam cũng tăng đều qua các năm. Sau 10 năm kể từ năm 2012, sản lượng thủy sản của Việt Nam đã tăng gần gấp đôi từ 5,9 triệu tấn năm 2012 lên 9,1 triệu tấn năm 2022 (Hình 1) (GSO, 2023).

Nếu so sánh giữa sản lượng khai thác ngoài tự nhiên lẫn sản lượng nuôi trồng thủy sản thì sản lượng nuôi trồng chiếm tỷ trọng lớn hơn và có xu hướng ngày càng gia tăng. Trong số sản lượng thủy sản được nuôi trồng thì chủ yếu là cá và tôm. Năm 2022, sản lượng cá được nuôi là 3,5 triệu tấn chiếm tới 67%, sản lượng tôm là 1,1 triệu tấn chiếm 33% (Hình 2) (GSO, 2023).

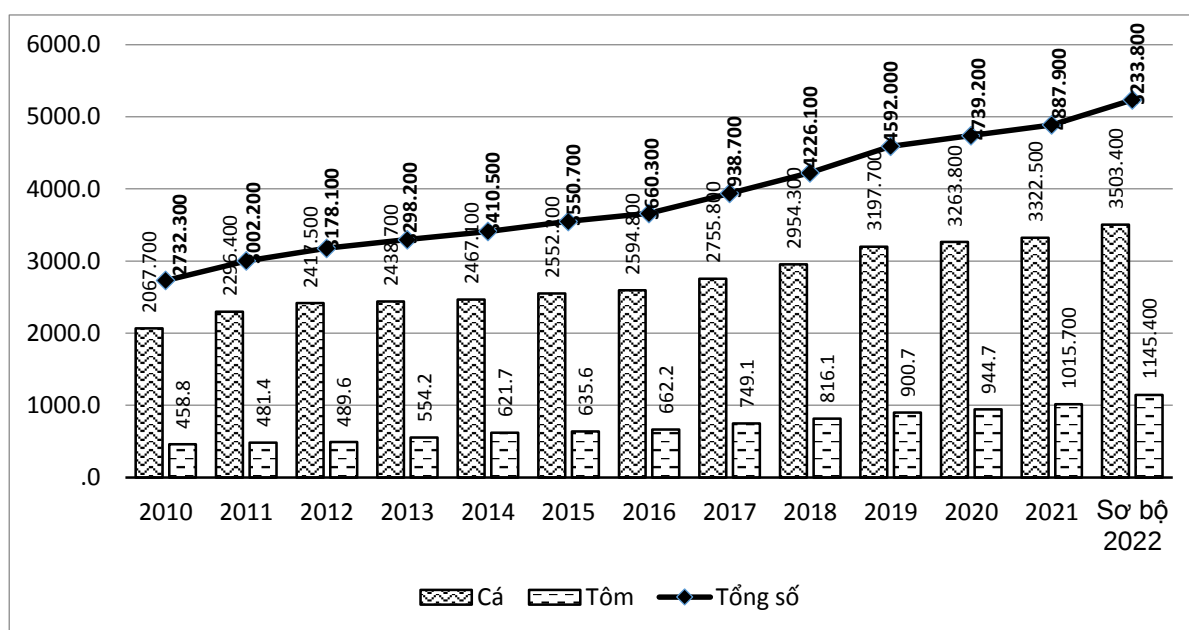
Hình 1: Sản lượng thủy sản Việt Nam (đơn vị: nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO, 2023)

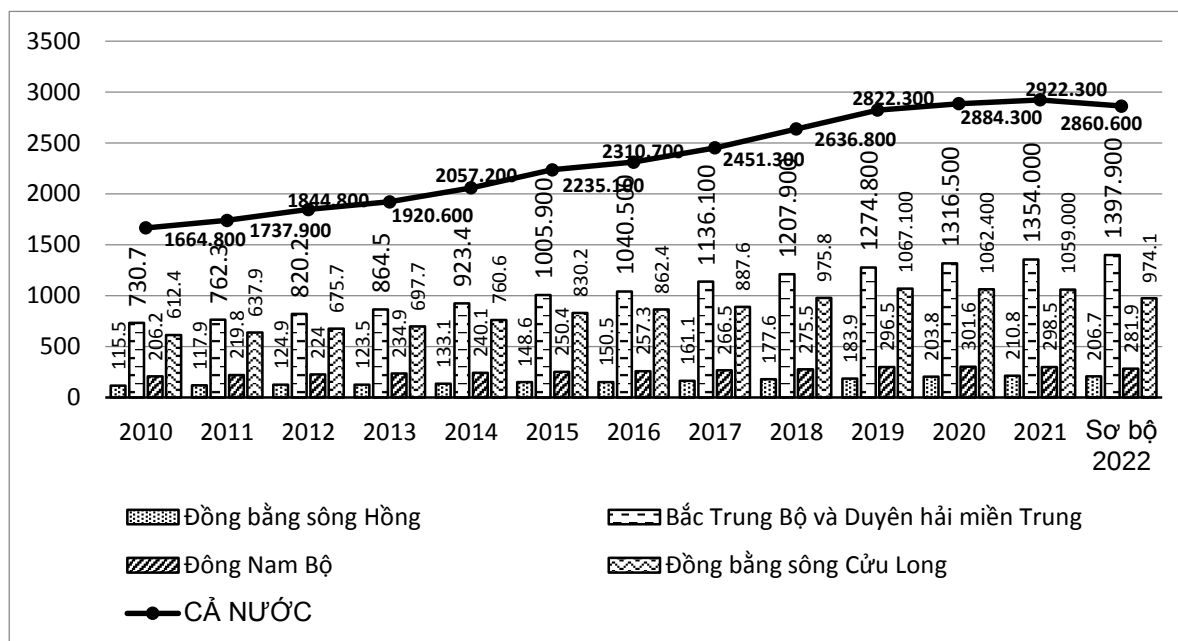
Về khai thác cá biển, theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2021 khai thác được 2,9 triệu tấn và năm 2022 sơ bộ khai thác được 2,86 triệu tấn. Nếu xét theo vùng miền thì sản lượng các khai thác nhiều nhất ở khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, tiếp theo là đồng bằng sông Cửu Long. Còn lại là cá khai thác ở đồng bằng sông Hồng và khai thác ở đồng bằng Nam Bộ có sản lượng thấp hơn rất nhiều (Hình 3) (GSO, 2023).

Hình 2: Sản lượng thủy sản nuôi trồng của Việt Nam (đơn vị: nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO, 2023)

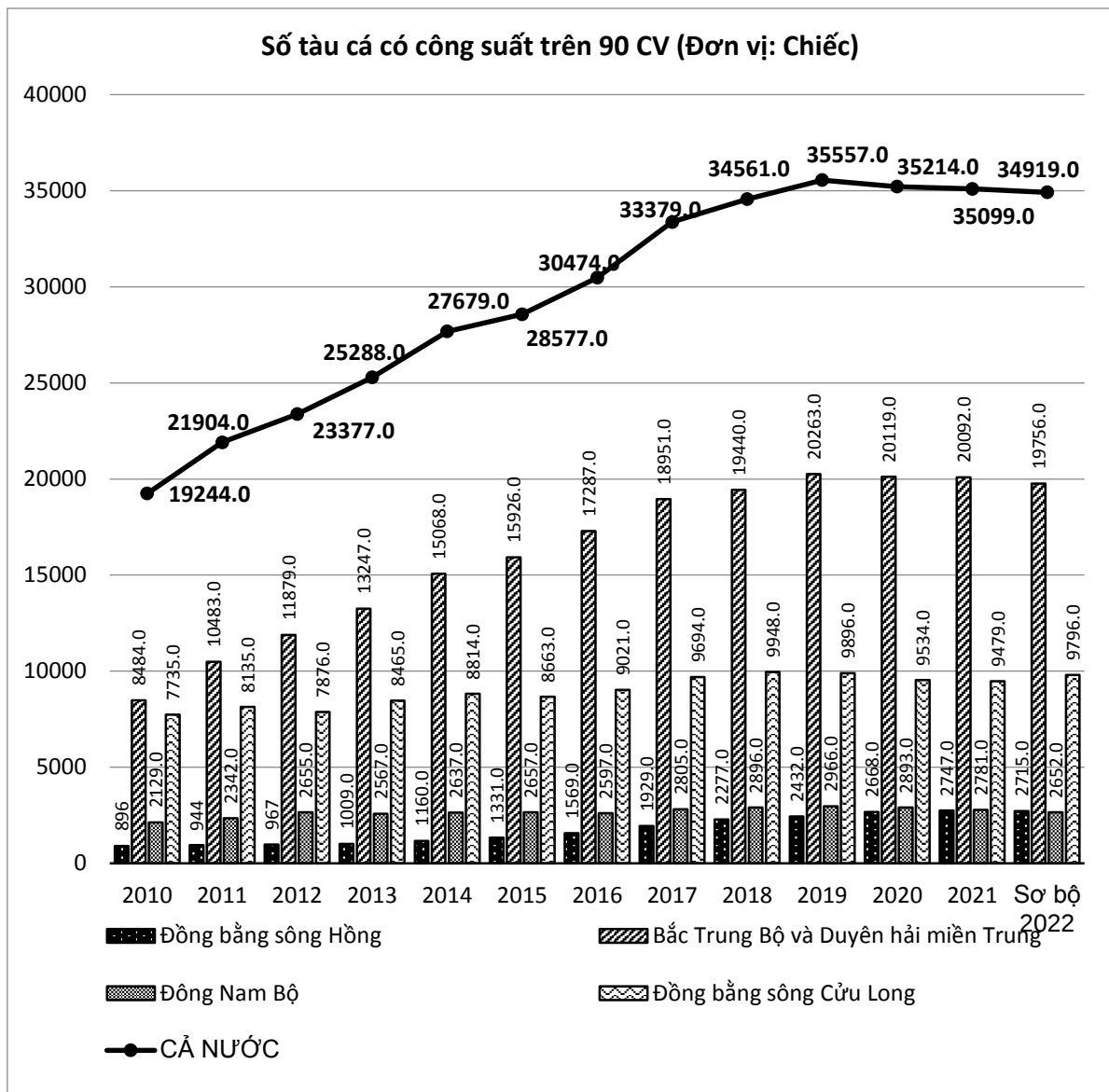
Hình 3: Sản lượng cá biển khai thác của Việt Nam (đơn vị: nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO, 2023)

Về số tàu khai thác thủy sản, số tàu đánh bắt cá biển ngày càng tăng cả về số lượng lẫn tổng công suất. Năm 2012, số tàu cá có công suất trên 90 CV ở Việt Nam có 23.377 chiếc tàu cá thì tới năm 2022 số này là 34.919 chiếc, tăng 11.542 chiếc tương đương tăng 49% trong 10 năm. Về cơ cấu vùng miền, năm 2022, có thể thấy vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có lượng tàu đánh bắt cá lớn nhất lên tới 19.756 chiếc lớn hơn rất nhiều so với đồng bằng sông Cửu Long là 9.796 chiếc, đồng bằng sông Hồng 2.715 chiếc và vùng Đông Nam Bộ là 2.652 chiếc (Hình 4) (GSO, 2023).

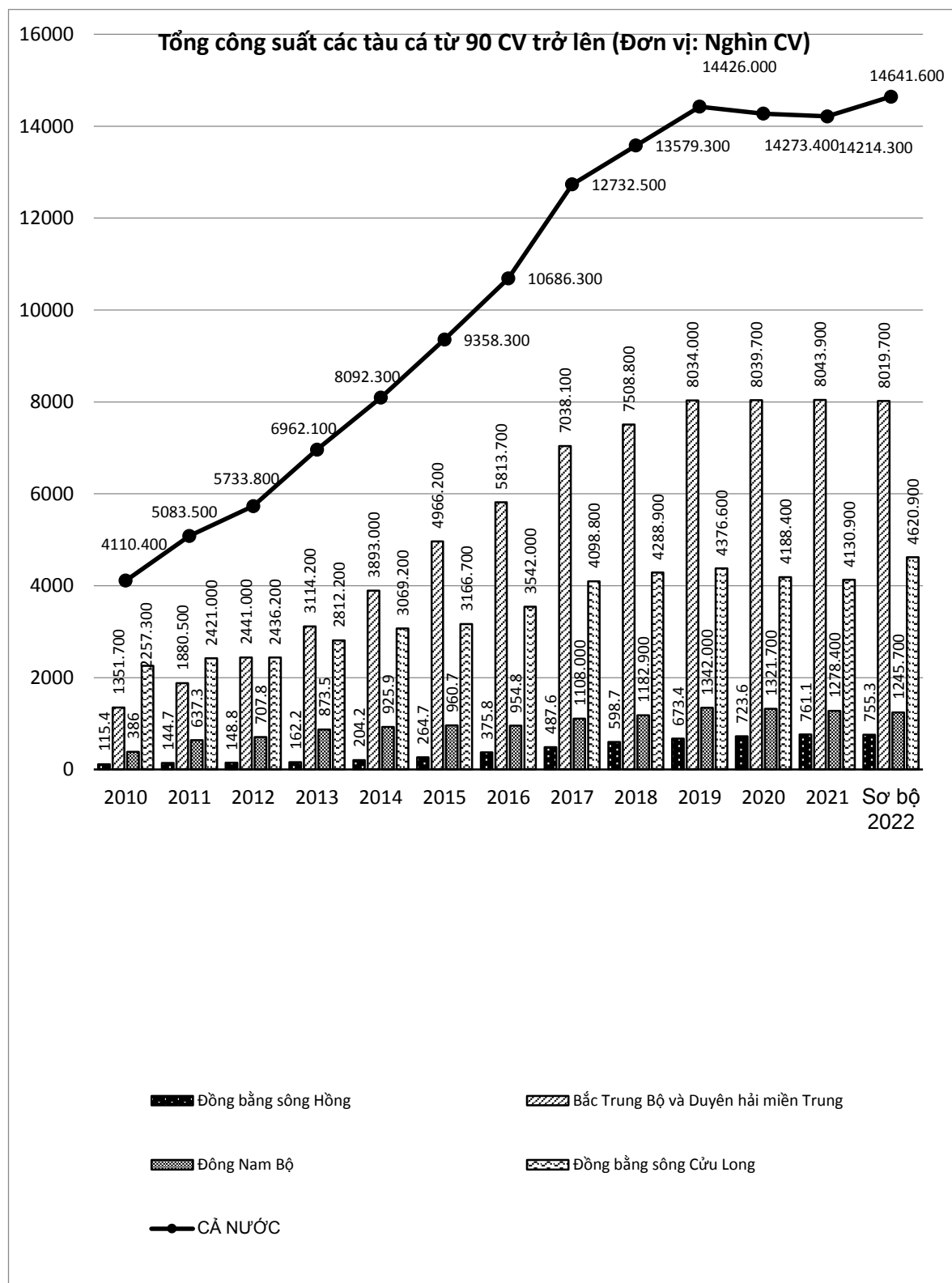
Hình 4: Số tàu khai thác thủy sản biển từ 90 CV trở lên của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO, 2023)

Tổng công suất của các tàu cá có công suất trên 90 CV của Việt Nam tăng rất nhanh từ 5.733,80 nghìn chiếc năm 2012 lên 14.641,60 nghìn chiếc năm 2022, tăng gần gấp ba lần sau 10 năm (Hình 5) (GSO, 2023).

Hình 5: Tổng công suất tàu khai thác thủy sản biển từ 90 CV trở lên của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO, 2023)

Về mặt kinh tế, khai thác thủy sản là nghề biển truyền thống có thế mạnh của Việt Nam, là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện ba mục tiêu chiến lược phát triển ngành thủy sản Việt Nam: (1) Khai thác tiềm năng nguồn lợi hải sản tạo sản phẩm cung cấp cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; (2) Tạo công ăn việc làm, thu nhập, cải thiện đời sống ngư dân các tỉnh ven biển; (3) Đảm bảo sự hiện diện, bảo vệ chủ quyền quốc gia trên các vùng biển.

Bảng 1: Giá trị xuất khẩu thủy sản với xuất khẩu nông, lâm, thủy sản và tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam

Năm	Xuất khẩu thủy sản		Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá (Tỷ USD)
	Giá trị (Tỷ USD)	Tỷ trọng (%)	
2010	5,0169	6,95%	72,2367
2011	6,1124	6,31%	96,9057
2012	6,0885	5,32%	114,5292
2013	6,6926	5,07%	132,0329
2014	7,8253	5,21%	150,2171
2015	6,5688	4,05%	162,0167
2016	7,0360	3,98%	176,5808
2017	8,3492	3,88%	215,1186
2018	8,7710	3,60%	243,6968
2019	8,5140	3,22%	264,2672
2020	8,3890	2,97%	282,6289
2021	8,8533	2,63%	336,1668
Sơ bộ 2022	10,9234	2,94%	371,3042

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO, 2023)

Giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam liên tục tăng trong nhiều năm gần đây. Trong 10 năm trở lại đây, giá trị xuất khẩu thủy sản đã tăng mạnh, tổng giá trị xuất khẩu thủy sản năm 2012 là 6 tỷ USD thì tới năm 2022 là 10,9 tỷ USD, tăng 79%. Thủy sản cũng là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đứng thứ 8 về giá trị xuất khẩu, sau hàng điện tử, may mặc, dầu thô, giày dép (Bảng 1 và Bảng 2) (GSO, 2023). Bên cạnh đó, ngành thủy sản còn mang lại việc làm cho hơn 4 triệu người lao động và giá trị sản lượng chiếm 4-5% tổng sản phẩm nội địa (GDP) (VASEP, 2023b).

Bảng 2: Top 10 mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam

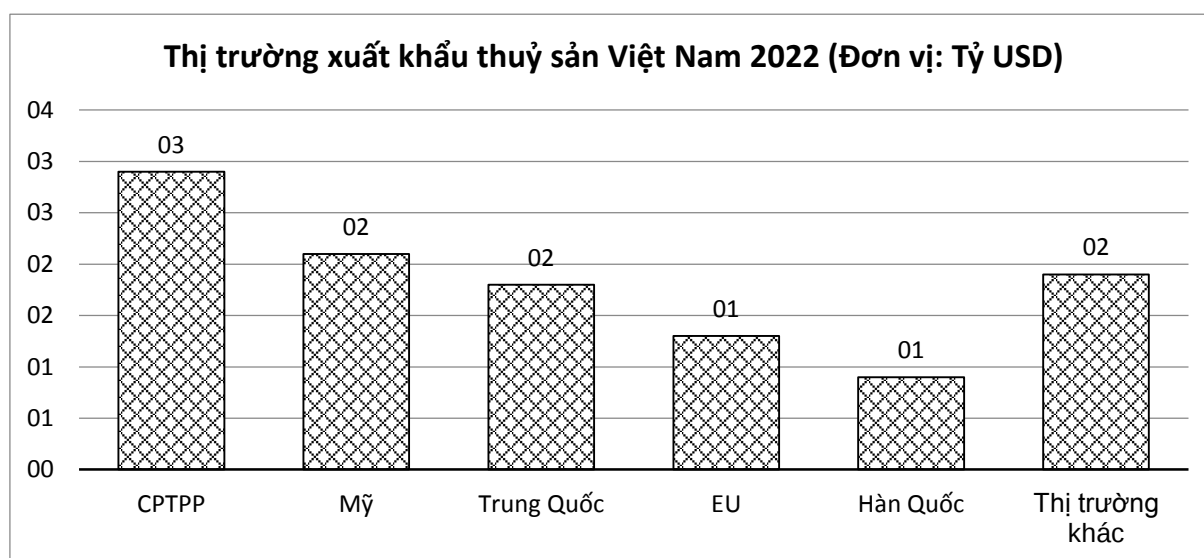
Xếp hạng	Mặt hàng xuất khẩu	Giá trị (Tỷ USD)
1	Điện thoại các loại và linh kiện	57,99
2	Hàng điện tử, máy tính và linh kiện	55,54
3	Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	45,75
4	Hàng dệt, may	37,57
5	Giày, dép	23,90
6	Gỗ và sản phẩm gỗ	16,01
7	Phương tiện vận tải và phụ tùng	11,99
8	Hàng thủy sản	10,92

9	Sắt thép	7,99
10	Gạo	7,11

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam (GSO, 2023)

Về thị trường, năm 2022, Việt Nam xuất khẩu thủy sản nhiều nhất sang thị trường Mỹ với tổng giá trị lên tới 2,1 tỷ USD chiếm gần 1/4 trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Dưới đó là xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc là 1,8 tỷ USD, Hàn Quốc là 0,9 tỷ USD. Các nước CPTPP (trong đó bao gồm cả Nhật Bản) giá trị xuất khẩu là 2,9 tỷ USD. Xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU cũng đạt 1,3 tỷ USD (Hình 5) (VASEP, 2023a).

Hình 6: Thị trường xuất khẩu thủy sản Việt Nam năm 2022



Nguồn: Xuất khẩu thủy sản Việt Nam năm 2022 (VASEP, 2023a)

3. Chính sách phát triển ngành thủy sản Việt Nam

Để phát triển ngành thủy sản, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản chính sách, chiến lược và các chương trình phát triển ngành thủy sản, cụ thể là:

Việt Nam đã ban hành Luật Thủy sản 2003, Luật số: 17/2003/QH11, ngày 26/11/2003. Tiếp đến là Luật Thủy sản 2017, Luật số 18/2017/QH14, ban hành ngày 21/11/2017 thay thế cho Luật Thủy sản 2003. Năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

Để đẩy mạnh phát triển ngành thủy sản, Chính phủ đã phê duyệt “Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trong Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 03 năm 2021. Bản chiến lược này đã cụ thể hoá quan điểm, mục tiêu và tầm nhìn tới năm 2030 của Việt Nam, cụ thể như sau:

Trong chiến lược phát triển ngành thủy sản Việt Nam thì quan điểm của Chính phủ là: (1) Xây dựng thủy sản thành ngành kinh tế có quy mô và tỷ suất hàng hóa lớn, có thương hiệu uy tín, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, có khả năng cạnh tranh cao và bền vững; (2) Hướng tới bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản. Phát triển thủy sản phải thân thiện với môi trường, bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, bảo tồn đa dạng sinh học;

thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, an sinh xã hội. Phát triển thủy sản phải gắn với nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân, xây dựng nông thôn mới;...

Mục tiêu của Chính phủ Việt Nam là phát triển ngành thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; năng suất, chất lượng, hiệu quả; đời sống vật chất tinh thần của người dân không ngừng nâng cao, bảo đảm an sinh xã hội; góp phần bảo vệ tổ quốc, biển đảo.

Tầm nhìn đến năm 2045, thủy sản là ngành kinh tế thương mại hiện đại, bền vững, có trình độ quản lý, khoa học công nghệ tiên tiến; là trung tâm chế biến thủy sản sâu, thuộc nhóm ba nước sản xuất và xuất khẩu thủy sản dẫn đầu thế giới; giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu các ngành kinh tế nông nghiệp và kinh tế biển, góp phần bảo đảm an ninh dinh dưỡng, thực phẩm; bảo đảm an sinh xã hội, làng cá xanh, sạch, đẹp, văn minh; lao động thủy sản có mức thu nhập ngang bằng mức bình quân chung cả nước; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Chính phủ đã ra Quyết định số 1090/QĐ-TTg ngày 19/9/2022 về việc phê duyệt “Chương trình quốc gia Chương trình quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030” (Chính phủ, 2022). Mục tiêu của Chương trình là phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản với cơ cấu tàu, nghề phù hợp với khả năng cho phép khai thác nguồn lợi thủy sản; sản xuất an toàn, hiệu quả kinh tế cao, nâng cao đời sống ngư dân, góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo Tổ quốc.

Điểm nổi bật trong mục tiêu cụ thể của Chương trình quốc gia Chương trình quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) là đã đặt mục tiêu các địa phương xây dựng được ít nhất 03 mô hình, dự án thí điểm thuộc một trong những dự án, mô hình về: (i) Chợ đầu mối, chợ bán đấu giá hải sản gắn với các cảng cá, trung tâm nghề cá của vùng, khu vực; (ii) Mô hình liên kết chuỗi khai thác - thu mua - bảo quản - tiêu thụ hải sản; (iii) Mô hình gắn khai thác, dịch vụ nghề cá với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn tại cảng cá, làng chài, làng nghề truyền thống ven biển.

Chương trình cũng xác định các nhiệm vụ chủ yếu gồm: (1) Tổ chức khai thác thủy sản theo hướng phát triển bền vững; (2) Phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và chế biến, tiêu thụ sản phẩm; (3) Tăng cường quản lý hoạt động khai thác thủy sản; (4) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ; (5) Nâng cao hiệu quả của các cơ sở hậu cần nghề cá; (6) Tăng cường công tác đảm bảo an toàn cho người và tàu cá.

Các giải pháp phát triển của Chương trình tập trung vào 6 nhóm chính là: (1) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; (2) Giải pháp về chính sách, cơ chế thực hiện; (3) Giải pháp về khoa học - công nghệ và khuyến ngư; (4) Giải pháp về huy động vốn, kinh phí; (5) Giải pháp hợp tác và hội nhập quốc tế; (6) Giải pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức.

Chương trình cũng xác định các dự án ưu tiên thực hiện có: (1) Dự án dự báo ngư trường phục vụ khai thác hải sản hiệu quả; (2) Dự án thí điểm gắn khai thác, dịch vụ nghề cá với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại cảng cá, làng chài, làng nghề truyền thống ven biển tại các tỉnh như: Quảng Ninh, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Kiên Giang;

(3) Dự án thí điểm thiết lập chợ đầu mối thủy sản, chợ bán đấu giá hải sản gắn với các cảng cá, trung tâm nghề cá của vùng, khu vực; (4) Dự án nâng cao thương hiệu, giá trị của hải sản Việt Nam; (5) Dự án nghiên cứu, chuyển giao công nghệ nâng cao hiệu quả khai thác, bảo quản sản phẩm; (6) Dự án xây dựng mô hình quản trị số hoạt động khai thác thủy sản ở Việt Nam.

4. Những vấn đề đặt ra trong phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam

Nhìn chung công tác phát triển ngành thủy sản của Việt Nam trong thời gian qua phát triển khá nhanh nhưng vẫn còn không ít những bất cập và hạn chế cả về kinh tế lẫn vấn đề an sinh xã hội, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản. Cụ thể là:

Thứ nhất là vấn đề đánh bắt thủy sản với tốc độ ngày càng tăng đã làm cho nguồn lợi thủy sản ngày càng cạn kiệt. Việc đánh bắt thủ sản, đặc biệt là đánh bắt ven bờ, ở một số vùng ven biển như Hà Tiên - Kiên Giang, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Phú Quốc thì nhiều nguồn lợi hải sản ven bờ gần như không còn. Các tỉnh thành này cũng đã có một số biện pháp hạn chế khai thác như: không cấp phép cho những tàu có công suất nhỏ để khai thác ven bờ, quy định khai thác theo mùa,... Mặt khác do hạn chế về nguồn vốn đầu tư nên nhiều tỉnh thành có khuyến khích đánh bắt xa bờ nhưng ngư dân lại không có tàu thuyền lớn để có thể đánh bắt xa bờ, vì vậy việc khai thác ven bờ vẫn là chủ yếu.

Một nghịch lý là nhiều địa phương ven biển đã khuyến khích đầu tư phát triển tàu đánh bắt xa bờ nhưng hoạt động lại không hiệu quả và đi đến phá sản không trả được nợ. Nguyên nhân chủ yếu là do để đánh bắt xa bờ thì phải có ngư trường, phải biết được luồng cá ở đâu và theo mùa nào để đánh bắt. Đây chính là khó khăn lớn nhất đối với các chủ tàu mới đầu tư cho đánh bắt xa bờ vì ngư trường và luồng cá vẫn còn là bí quyết riêng của các thuyền trưởng và các ngư dân, không dễ gì để họ tiết lộ điều này.

Bên cạnh đó vẫn còn tình trạng sử dụng lưới có mắt lưới nhỏ hơn quy định, sử dụng súng điện, đánh bắt trong mùa sinh sản,... cũng là nguyên nhân dẫn tới việc quá mức nguồn lợi thủy sản.

Thứ hai là hoạt động xuất khẩu thủy sản Việt Nam đang phải đối mặt với cáo buộc vi phạm các quy định IUU. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam hiện nay đang đối mặt với vi phạm các vấn đề về bảo vệ môi trường. Ngày 23/10/2017, Việt Nam đã bị Ủy ban châu Âu cảnh báo Thẻ vàng đối với sản phẩm khai thác của Việt Nam do họ cho rằng, việc đánh bắt cá của Việt Nam đã vi phạm IUU (Illegal, Unreported and Unregulated Fishing) là: (1) khai thác bất hợp pháp, (2) không khai báo và (3) không đánh bắt theo quy định (P.D, 2023). Nguyên nhân chủ yếu một mặt là do nhận thức và do hoạt động khai thác quá mức của người dân, mặt khác là do công tác quản lý nghề cá của Việt Nam chưa tốt, chưa tương đồng với khu vực và thế giới, đặc biệt là chưa đáp ứng tốt các quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm khai thác.

Thứ ba là công tác về bảo vệ môi trường biển còn nhiều bất cập. Việc kiểm soát người dân xả thải ra môi trường là rất khó do không gian biển rộng lớn. Không những thế, hoạt động kinh tế ven bờ cũng gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường biển như vụ việc Công ty Formosa xả thải gây ô nhiễm môi trường biển tại 4 tỉnh miền Trung. Bên cạnh đó việc xả thải của các tàu biển, tàu cá và các phương tiện trên biển cũng đã góp phần làm tăng thêm tình trạng ô nhiễm môi trường biển. Việc xả thải đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng

không chỉ tới nguồn lợi thủy sản mà còn ảnh hưởng tới sức khỏe người dân do ăn phải hải sản nhiễm độc.

Thứ tư là công tác quản lý nhà nước với hoạt động đánh bắt vẫn còn hạn chế. Hoạt động quản lý, kiểm soát chưa được chú trọng, chưa đồng bộ và thiếu quyết liệt của các cấp ngành, chính quyền địa phương. Hỗ trợ khai thác còn nhiều bất cập, đặc biệt là: (i) Vấn đề về công tác an toàn cho người và tàu cá còn thiếu và yếu; (ii) Hệ thống thông tin giám sát trên biển chưa được đầu tư kiện toàn; (iii) Công tác dự báo ngư trường, phòng chống bão và tìm kiếm cứu nạn chưa được quan tâm đúng mức; (iv) Nguồn nhân lực quản lý nhà nước về khai thác thủy sản còn hạn chế cả về số lượng cũng như chất lượng.

Thứ năm là một số vấn đề khác như: tranh chấp trên biển, giá dầu tăng cao, hậu cần còn bất cập... Tranh chấp trên Biển Đông là một vấn đề dai dẳng trong nhiều năm qua và chưa thể chấm dứt trong nhiều năm nữa. Biển Việt Nam nếu hiểu theo nghĩa là vùng nằm trong lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế thì bao gồm biển Đông, Vịnh Bắc Bộ và Vịnh Thái Lan. Với không gian biển này thì hiện tại Vịnh Bắc Bộ đã được Việt Nam và Trung Quốc ký Hiệp định Phân định Vịnh Bắc Bộ, do đó đây là khu vực có thể coi là tương đối ổn định. Khu vực biển phía Nam Việt Nam là Vịnh Thái Lan cũng được coi là nơi tương đối ổn định và ít xảy ra tranh chấp, chỉ có Biển Đông là còn diễn biến phức tạp và ảnh hưởng nhiều tới phát triển kinh tế biển Việt Nam, đặc biệt là ảnh hưởng lớn tới đánh bắt hải sản và hòa bình trên biển Đông. Việc tranh chấp gây bất ổn trên biển Đông đã, đang và sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới không chỉ an ninh, an toàn cho tàu cá mà còn ảnh hưởng cả tới tâm lý của ngư dân mỗi lần ra khơi đánh bắt.

Bối cảnh thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, xung đột Nga - Ukraine, xung đột Israel - Palestine,... đã có tác động làm cho giá dầu trên thế giới tăng cao dẫn tới ảnh hưởng tới chi phí nhiên liệu cho tàu cá ngày càng tăng cũng ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình khai thác đánh bắt thủy sản trên biển.

Công tác hậu cần, hoạt động khai thác, hỗ trợ khai thác còn nhiều bất cập. Dịch vụ hậu cần, dịch vụ thu mua và chế biến hải sản còn tự phát, mô hình nhỏ lẻ, thiếu tính đồng bộ và chưa đáp ứng được sản xuất trên biển.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam phải đối mặt với tình trạng cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu có các sản phẩm tương đồng như Việt Nam: Ấn Độ, Ecuador, Indonesia,...

5. Giải pháp triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam

Phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam là phải đảm bảo phát triển về kinh tế như: nâng cao năng suất, hiệu quả nuôi trồng, khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản; bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản; ổn định xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, bảo vệ biển đảo. Để làm được điều này cần phải có sự phối hợp giữa người dân, nhà nước, nhà khoa học và doanh nghiệp trong việc thúc đẩy phát triển bền vững ngành thủy sản. Cụ thể là:

Thứ nhất, cần khuyến khích, tăng cường, đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản và hạn chế đánh bắt ven bờ. Thủy sản trong tự nhiên ngày càng cạn kiệt nên việc đánh bắt sẽ làm cho nguồn lợi thủy sản vốn đã cạn kiệt nay còn cạn kiệt hơn. Hiện nay việc đánh bắt thủy sản của Việt Nam chủ yếu là đánh bắt xa bờ còn sản lượng đánh bắt ven bờ lại gặp rất nhiều khó khăn.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây sản lượng nuôi trồng thủy sản lại có xu hướng tăng lên và đem lại nguồn lợi to lớn cho người dân. Việc đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản có được lợi ích lớn không chỉ là tăng cường sản lượng mà không ảnh hưởng tới môi trường, mà còn tránh vi phạm các quy định của các nước và thế giới có liên quan tới bảo vệ môi trường.

Thứ hai, tăng cường tuyên truyền cho người dân về các quy định của quốc gia, khu vực và thế giới về khai thác hải sản, nâng cao nhận thức của người dân về bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản. Hiện nay, việc khai thác thủy sản của Việt Nam đang vướng phải hai vấn đề lớn là khai thác quá mức và vi phạm các quy định về bảo tồn nguồn lợi thủy sản. Do đó, việc tuyên truyền để người dân nhận thức được và có hiểu biết các quy định của quốc gia, khu vực và quốc tế về khai thác thủy sản là cần thiết. Đặc biệt là cần tuyên truyền để người dân nắm được 12 hành vi khai thác được coi là vi phạm các quy định của khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU) của Ủy ban châu Âu về đánh bắt cá. Làm được điều này sẽ không chỉ bảo tồn được nguồn lợi thủy sản mà còn giúp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản sang thị trường châu Âu, Mỹ và các nước phát triển khác. Điều quan trọng nhất vẫn phải là để người dân hiểu được và nhận thức được cần phải bảo tồn nguồn lợi thủy sản.

Thứ ba, nâng cao công suất tàu cá, đẩy mạnh đánh bắt xa bờ. Trong bối cảnh nguồn lợi hải sản ven bờ đang bị khai thác quá mức dẫn tới cạn kiệt thì việc nâng cao công suất tàu cá, đẩy mạnh đánh bắt xa bờ là hết sức cần thiết. Do đó, cần phải đẩy mạnh hơn nữa ngành đóng tàu, có chính sách hỗ trợ cho đóng tàu cá có công suất lớn, có khả năng đi biển dài ngày, có hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó, đánh bắt xa bờ cũng đang phải đối mặt với tình trạng giá xăng dầu tăng cao do các biến động của tình hình xung đột trên thế giới. Để nâng cao hiệu quả của đội tàu đánh bắt xa bờ thì việc đẩy mạnh phát triển ngành dầu khí là hết sức cần thiết.

Thứ tư, tiếp tục hoàn thiện chính sách và cơ chế quản lý nguồn lợi thủy sản. Hiện nay, hệ thống các văn bản pháp luật cũng như chiến lược phát triển thủy sản của Việt Nam khá hoàn chỉnh nhưng vẫn chưa được cụ thể hoá. Cơ chế quản lý cũng tương đối đồng bộ nhưng việc thực thi chính sách vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra. Do đó, Việt Nam cần phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách và cơ chế quản lý để thúc đẩy ngành thủy sản phát triển.

Thứ năm, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao năng lực cạnh tranh. Việc khai thác thủy sản để làm sao vừa đảm bảo được năng suất gia tăng, vừa bảo vệ môi trường như: chế biến, bảo quản, đóng gói, đảm bảo uy tín, chất lượng cũng góp phần quan trọng không kém. Việc nâng cao chất lượng sản phẩm góp phần giúp ngành thủy sản Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ. Việc mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao năng lực cạnh tranh đòi hỏi doanh nghiệp phải tích cực, chủ động, năng động trong việc xây dựng thương hiệu, quảng bá giới thiệu sản phẩm và giữ vững uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó việc nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao năng lực cạnh tranh cũng cần sự hỗ trợ của nhà nước cả về công tác quản lý lẫn cơ chế chính sách.

Thứ sáu, tăng cường đảm bảo an ninh trên biển. Để đảm bảo an ninh trên biển cần tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang trên biển để bảo vệ chủ quyền trên biển đảo; tăng cường công tác đàm phán và đối thoại với các nước có tranh chấp trên biển Đông; cần kiên trì

đàm phán bằng hoà bình, tránh để xảy ra xung đột vũ trang; kêu gọi các bên tuyệt đối tôn trọng luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên Hiệp Quốc, Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS, 1982), Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á (TAC), Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và hướng tới hoàn thiện Bộ Quy tắc ứng xử biển Đông (COC).

Thứ bảy, một số giải pháp khác: (1) Cần phải đảm bảo an ninh năng lượng, ổn định giá dầu, giúp làm giảm chi phí đánh bắt cá, đặc biệt là đánh bắt xa bờ; (2) Tăng cường công tác đào tạo chuyên môn, hỗ trợ người dân nâng cao chất lượng thủy sản từ công đoạn khai thác, bảo quản, chế biến đến khâu tiêu thụ hàng thủy sản; (3) Hỗ trợ bằng tài chính như: cho vay ưu đãi với lãi suất thấp, thời hạn dài không chỉ đối với các tàu cá được đóng mới bằng công nghệ hiện đại mà còn cả với các dự án xây dựng nhà máy chế biến thủy sản,...

6. Kết luận

Để phát triển kinh tế biển xanh thì phát triển bền vững ngành thủy sản là hết sức cần thiết. Nhận thức được vấn đề đó, Chính phủ Việt Nam cũng đã có nhiều biện pháp chính sách thúc đẩy phát triển ngành thủy sản như: ban hành các chương trình phát triển, chính sách phát triển, giải pháp phát triển ngành thủy sản. Ngành thủy sản Việt Nam đã và đang phát triển mạnh nhưng cũng phải đối mặt với không ít những khó khăn trở ngại về phát triển bền vững như: tình trạng khai thác quá mức, vi phạm vấn đề bảo vệ môi trường, công tác quản lý còn bất cập,... Trước khó khăn đó thì Việt Nam cần đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, tăng cường nuôi trồng thủy sản, nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ môi trường, mở rộng thị trường tiêu thụ, hoàn thiện chính sách và cơ chế quản lý để từ đó thúc đẩy ngành thủy sản Việt Nam phát triển bền vững, vừa đảm bảo phát triển kinh tế, vừa bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường biển đảo.

Tài liệu tham khảo

Bộ Công Thương. (2023). *Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2022*. Nxb. Hồng Đức. <https://trungtamwto.vn/file/22356/bao-cao-xuat-nhap-khau-viet-nam-nam-2022.pdf>

Chính phủ. (2022). Quyết định 1090/QĐ-TTg ngày 19/9/2022 của Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình quốc gia Chương trình quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững giai đoạn 2022 - 2025, định hướng 2030”. <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2022/09/1090-ttg.signed.pdf>

Đảng cộng sản Việt Nam. (2007). *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*. Văn kiện Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Khóa X. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

P.D. (10/8/2023). Khái niệm về IUU và những quy định của Ủy ban châu Âu về IUU. *Báo Quảng Ngãi*. <https://baoquangngai.vn/kinh-te/bien-kinh-te-bien/202308/khai-niem-ve-iuu-va-nhung-quy-dinh-cua-uy-ban-chau-au-ve-iuu-c8f64ee/>

Tổng cục Thống kê Việt Nam. (2023). Nông, lâm nghiệp và thủy sản. <https://www.gso.gov.vn/nong-lam-nghiep-va-thuy-san/>

VASEP. (18/1/2023a). Xuất khẩu thủy sản Việt Nam năm 2022. <https://vasep.com.vn/san-pham-xuat-khau/infographic/infographic-xuat-khau-thuy-san-viet-nam-nam-2022-26133.html>

VASEP. (2023b). Tổng quan ngành thủy sản Việt Nam. <https://vasep.com.vn/gioi-thieu/tong-quan-nganh>